

**ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT QUẢNG NAM**
(Kèm theo Quyết định số 927/QĐ-UBND ngày 11/4 /2025
của UBND tỉnh Quảng Nam)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1: Giải thích từ ngữ

1. Những từ ngữ nêu trong Điều lệ này được hiểu như sau:
 - a) Đơn vị trực thuộc: là các đơn vị trực thuộc Công ty, bao gồm: Các phòng nghiệp vụ, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, tổ thị trường, tổ quản lý xe, điện nước, vé gia công.
 - b) Người quản lý doanh nghiệp là những người giữ chức danh, chức vụ gồm: Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.
 - c) Kiểm soát viên là người thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh, được UBND tỉnh bổ nhiệm, làm việc theo chế độ chuyên trách.
 - d) Người có quan hệ gia đình bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.
2. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020, pháp luật về Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các văn bản khác có liên quan sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Điều 2. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty

1. Tên Công ty:
 - Tên viết bằng tiếng Việt: Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) một thành viên Xổ số kiến thiết Quảng Nam.
 - Tên viết tắt: Công ty Xổ số kiến thiết Quảng Nam.
 - Tên viết bằng tiếng Anh: Quang Nam Lottery Company Limited.
 - Biểu tượng của Công ty: Hình tượng hình chùa Cầu, Hội An. Bên trong có dòng chữ XỔ SỐ KIẾN THIẾT QUẢNG NAM.

Nhãn hiệu được Cục Sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận số 29001 theo Quyết định số 74640/QĐ-SHTT ngày 25/10/2017.



2. Trụ sở:

a) Trụ sở chính: Số 04, đường Trần Phú, phường Tân Thạnh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

b) Số điện thoại: 0235 3812987, 0235 3851570.

c) Số fax: 0235 3851302, 0235 3859717.

d) Website: www.xsktquangnam.vn

đ) Email: xsktquangnam.vn@gmail.com

Điều 3. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân

1. Công ty tổ chức và hoạt động theo hình thức Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

2. Công ty có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tiền đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các Ngân hàng trong nước theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của Công ty.

Điều 4. Mục tiêu hoạt động và ngành, nghề kinh doanh

1. Mục tiêu hoạt động

a) Kinh doanh có lợi nhuận.

b) Bảo toàn và sử dụng vốn nhà nước có hiệu quả.

c) Hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ do Chủ sở hữu Công ty giao.

d) Tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

2. Ngành nghề kinh doanh

a) Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc.

Chi tiết: Hoạt động xổ số.

b) Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật và được UBND tỉnh chấp thuận bằng văn bản.

Điều 5. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: **45.000.000.000 đồng** (Bốn mươi lăm tỷ đồng).

Điều 6. Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty

Chủ sở hữu: UBND tỉnh Quảng Nam là cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước tại Công ty.

Điều 7. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Chủ tịch Công ty.

Điều 8. Quản lý nhà nước

Công ty chịu sự quản lý của UBND tỉnh và cơ quan được UBND tỉnh ủy quyền thực hiện chức năng quản lý Nhà nước thay UBND tỉnh.

Điều 9. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác được thành lập, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội.

3. Công ty tạo điều kiện về cơ sở vật chất, thời gian và các điều kiện khác để các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện sinh hoạt theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và nội quy của các tổ chức đó.

Chương II **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY**

Điều 10. Quyền của Công ty

1. Quyền của Công ty đối với vốn, tài sản, đầu tư và quản lý tài chính theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, các văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung và các quy định của pháp luật liên quan.

2. Quyền về kinh doanh và tổ chức sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Điều 7 Luật Doanh nghiệp năm 2020; phù hợp với mục tiêu hoạt động và ngành, nghề kinh doanh theo quy định tại Điều 4 của Điều lệ này.

3. Quyền về quản lý lao động, tiền lương và tổ chức công tác cán bộ, nhân sự theo quy định hiện hành.

Điều 11. Nghĩa vụ của Công ty

1. Công ty có nghĩa vụ đối với vốn, tài sản và quản lý tài chính theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước, Điều 8 Luật Doanh nghiệp, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Về kinh doanh

a) Kinh doanh đúng ngành, nghề đã đăng ký; đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện theo tiêu chuẩn đã đăng ký.

b) Đổi mới, hiện đại hóa công nghệ và phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động.

c) Bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động và quyền tham gia quản lý Công ty của người lao động theo quy định của pháp luật.

d) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán và báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, công khai, công bố thông tin và báo cáo khác theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của UBND tỉnh.

đ) Thực hiện việc quản lý rủi ro và bảo hiểm tài sản, trách nhiệm, con người của Công ty trong sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

e) Chịu sự giám sát của Nhà nước trong thực hiện các quy định về thang, bảng lương; đơn giá tiền lương, chế độ trả lương đối với người lao động, Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty, Kiểm soát viên, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác của Công ty.

g) Chịu sự giám sát, kiểm tra của UBND tỉnh; chấp hành các quyết định về thanh tra của cơ quan tài chính và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

h) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về việc sử dụng vốn đầu tư khi thành lập doanh nghiệp khác hoặc đầu tư vào doanh nghiệp khác theo thẩm quyền.

i) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và được Nhà nước giao.

Chương III

QUYỀN, TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA UBND TỈNH ĐỐI VỚI CÔNG TY VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC QUYỀN, TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA UBND TỈNH

Điều 12. Quyền và trách nhiệm của UBND tỉnh về tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản, chuyển giao Công ty

1. Về việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp theo Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: UBND tỉnh ra quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập Công ty.

2. Về chuyển doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thành Công ty Cổ phần: Trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định chuyển doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần thực hiện theo quy định của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và Công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành Công ty Cổ phần.

3. Về chuyển Công ty thành Công ty TNHH hai thành viên trở lên: Căn cứ điều kiện, phương thức, trình tự, thủ tục chuyển doanh nghiệp thành Công ty TNHH hai thành viên trở lên theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật số 69/2014/QH13 và quy định hướng dẫn của Chính phủ, UBND tỉnh thực hiện các quyền và trách nhiệm sau đây:

a) Quyết định chuyển đổi Công ty.
b) Quyết định lựa chọn tổ chức tư vấn định giá, đấu giá; phê duyệt kết quả xác định giá trị doanh nghiệp.

c) Phê duyệt phương án chuyển đổi doanh nghiệp.
d) Phê duyệt quyết toán tài chính, quyết toán chi phí chuyển đổi doanh nghiệp, quyết toán kinh phí hỗ trợ cho người lao động dôi dư, quyết toán số tiền thu từ việc chuyển đổi doanh nghiệp.

đ) Cử người đại diện phần vốn Nhà nước góp tại doanh nghiệp chuyển đổi; giải quyết những vướng mắc, khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc chuyển đổi doanh nghiệp theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật hiện hành.

e) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát quá trình chuyển đổi doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

4. Bán doanh nghiệp

a) UBND tỉnh quyết định phê duyệt phương án bán, giá bán doanh nghiệp.

b) UBND tỉnh hoặc người được ủy quyền ký hợp đồng bán doanh nghiệp với người mua doanh nghiệp theo phương án và giá bán đã được phê duyệt tại điểm a khoản này.

c) Điều kiện, trình tự, thủ tục bán doanh nghiệp thực hiện theo quy định hướng dẫn của Chính phủ về bán doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

5. Giải thể doanh nghiệp

a) UBND tỉnh quyết định giải thể doanh nghiệp theo đề nghị của người có thẩm quyền đề nghị giải thể doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

b) Điều kiện, trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

6. Phá sản doanh nghiệp

UBND tỉnh thực hiện thủ tục nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

7. Chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu

UBND tỉnh thực hiện chuyển giao vốn Nhà nước tại Công ty cho cơ quan đại diện chủ sở hữu khác theo quy định của Chính phủ.

Điều 13. Quyền và trách nhiệm của UBND tỉnh về điều lệ, chiến lược, kế hoạch của Công ty

1. UBND tỉnh ban hành điều lệ và điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty theo đề nghị của Chủ tịch Công ty.

2. UBND tỉnh phê duyệt đề Chủ tịch Công ty quyết định kế hoạch 05 năm (bao gồm chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm) và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm của Công ty.

3. Quyết định phê duyệt các kế hoạch quy định tại khoản 2 Điều này phải bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

a) Mục tiêu và nhiệm vụ kế hoạch.

b) Các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách và các chỉ tiêu kế hoạch khác.

c) Giải pháp thực hiện kế hoạch.

d) Phân công tổ chức thực hiện, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch.

đ) Các nội dung khác.

4. Về giám sát, kiểm tra thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt

a) UBND tỉnh phải thực hiện giám sát, kiểm tra việc thực hiện các kế hoạch quy định tại khoản 2 Điều này và đánh giá kết quả thực hiện.

b) UBND tỉnh hướng dẫn, đôn đốc Công ty xây dựng, gửi báo cáo giữa kỳ và báo cáo cuối kỳ về tình hình thực hiện các kế hoạch để phục vụ công tác giám sát, kiểm tra, bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

- Tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch được giao.

- Tình hình thực hiện các giải pháp đã đề ra trong kế hoạch.

- Hạn chế, nguyên nhân của việc không thực hiện hoặc thực hiện không tốt kế hoạch (nếu có).

- Các giải pháp tiếp theo để hoàn thành các mục tiêu trong kế hoạch kỳ kế tiếp.

c) Việc giám sát, kiểm tra thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt thực hiện theo quy định của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Điều 14. Quyền và trách nhiệm của UBND tỉnh về quản lý cán bộ của Công ty

1. Đối với người quản lý doanh nghiệp

a) Quyết định đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Chủ tịch Công ty.

b) Có ý kiến bằng văn bản trước khi Chủ tịch Công ty quyết định quy hoạch, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, nghỉ hưu đối với Giám đốc.

c) Phê duyệt đề Chủ tịch Công ty quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Giám đốc; phê duyệt chủ trương theo đề nghị của Chủ tịch Công ty về bổ nhiệm Phó Giám đốc.

d) Đối với việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cho từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng thực hiện theo quy định của UBND tỉnh.

đ) Thực hiện quyền và trách nhiệm về tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác của người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ về tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Đối với kiểm soát viên

a) Quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

b) Căn cứ quy mô của Công ty, UBND tỉnh quyết định thành lập Ban Kiểm soát có từ 01 đến 05 Kiểm soát viên. Trường hợp Ban kiểm soát chỉ có 01 Kiểm soát viên thì Kiểm soát viên đó đồng thời là Trưởng Ban kiểm soát và phải đáp ứng tiêu chuẩn của Trưởng Ban kiểm soát.

c) UBND tỉnh lựa chọn, quyết định bổ nhiệm cán bộ, công chức do mình quản lý làm Kiểm soát viên và có trách nhiệm bố trí công việc phù hợp cho cán bộ, công chức khi thôi làm Kiểm soát viên.

Điều 15. Tổ chức thực hiện quyền và trách nhiệm về hoạt động tài chính và đầu tư của Công ty

1. Ban hành quy chế tài chính của Công ty theo quy định của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

2. Phê duyệt mức vốn điều lệ của Công ty (kể cả điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động); thẩm định hồ sơ, phương án bổ sung vốn điều lệ của doanh nghiệp; thực hiện cấp bổ sung vốn điều lệ cho Công ty theo quy định phù hợp với từng nguồn vốn bổ sung điều lệ.

Hồ sơ, phương án, trình tự, thủ tục cấp vốn theo quy định tại Luật số 69/2014/QH13 và quy định hướng dẫn của Chính phủ.

3. Xem xét, phê duyệt theo đề nghị của Chủ tịch Công ty đối với những nội dung sau đây:

a) Phương án huy động vốn đối với từng dự án có mức huy động trên mức quy định tại điểm a khoản 3 Điều 23 Luật số 69/2014/QH13.

b) Phương án huy động vốn của tổ chức, cá nhân nước ngoài.

Đối với khoản vay nước ngoài theo phương thức doanh nghiệp tự vay, tự chịu trách nhiệm trả nợ, trừ khoản vay vốn nước ngoài dưới hình thức nhập khẩu hàng hóa trả chậm, UBND tỉnh phê duyệt chủ trương vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp và đề nghị Bộ Tài chính thẩm định, chấp thuận. Đối với các khoản vay có bảo lãnh của Chính phủ thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý nợ công và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Đối với các khoản vay có bảo lãnh của Chính phủ thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý nợ công và quy định khác của pháp luật có liên quan.

c) Dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định của doanh nghiệp có giá trị trên mức quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 Luật số 69/2014/QH13.

d) Dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp có giá trị trên mức quy định tại điểm a khoản 4 Điều 28 Luật số 69/2014/QH13.

Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt các dự án và phương án quy định tại khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Quyết định để Chủ tịch Công ty ký hợp đồng cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản cố định của doanh nghiệp có giá trị lớn hơn mức phân cấp cho Chủ tịch Công ty theo quy định của Luật số 69/2014/QH13 và quy định hướng dẫn của Chính phủ.

5. Phê duyệt phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị lớn hơn mức phân cấp cho Chủ tịch Công ty theo quy định của Luật số 69/2014/QH13 và quy định hướng dẫn của Chính phủ.

6. Quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài, trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Quốc hội hoặc thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về đầu tư, pháp luật về quản lý ngoại hối và pháp luật có liên quan.

7. Quyết định chủ trương góp vốn, tăng, giảm vốn góp, chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp đầu tư tại Công ty Cổ phần, Công ty TNHH hai thành viên trở lên.

8. Quyết định chủ trương tiếp nhận Công ty Cổ phần, Công ty TNHH hai thành viên trở lên thành Công ty con, Công ty liên kết của doanh nghiệp.

9. Phê duyệt báo cáo tài chính, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hằng năm của doanh nghiệp.

10. Thực hiện việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết định việc chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty tại Công ty Cổ phần, Công ty TNHH hai thành viên trở lên trong trường hợp

giá trị chuyển nhượng thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp sau khi đã bù trừ dự phòng tổn thất vốn đầu tư.

Điều 16. Tổ chức thực hiện quyền và trách nhiệm về giám sát, kiểm tra và đánh giá hoạt động của Công ty

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện giám sát, kiểm tra việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, thực hiện chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển, việc tuyển dụng lao động, thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng của Công ty; có ý kiến về việc giám sát, kiểm tra, thanh tra của cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền đối với hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của Luật số 69/2014/QH13 và quy định hướng dẫn của Chính phủ.

2. UBND tỉnh tổ chức thực hiện đánh giá kết quả hoạt động, hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong quản lý, điều hành của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định hướng dẫn của Chính phủ.

3. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện thanh tra hoạt động của Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra và quy định pháp luật có liên quan.

Chương IV TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 17. Mô hình tổ chức, quản lý công ty

Công ty được tổ chức, quản lý theo mô hình Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Ban Kiểm soát.

Điều 18. Chủ tịch Công ty

1. Chủ tịch Công ty do UBND tỉnh bổ nhiệm theo quy định của pháp luật. Chủ tịch Công ty có nhiệm kỳ không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại. Một cá nhân được bổ nhiệm không quá hai nhiệm kỳ, trừ trường hợp người được bổ nhiệm đã có trên 15 năm làm việc liên tục tại Công ty đó trước khi được bổ nhiệm lần đầu.

2. Chủ tịch Công ty thực hiện các quyền, nghĩa vụ của người đại diện UBND tỉnh trực tiếp tại Công ty theo quy định của Luật số 69/2014/QH13; các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại các Điều 19, 20 của Điều lệ này.

3. Tiền lương, tiền thưởng và quyền lợi khác của Chủ tịch Công ty được tính vào chi phí quản lý công ty.

4. Chủ tịch Công ty sử dụng bộ máy quản lý, điều hành, bộ phận giúp việc (nếu có) của Công ty để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Công ty tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước trước khi quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

5. Quyết định thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 2, Điều này phải được lập thành văn bản, ký tên với chức danh Chủ tịch Công ty.

6. Quyết định của Chủ tịch Công ty có hiệu lực kể từ ngày ký hoặc từ ngày có hiệu lực ghi trong quyết định đó, trừ trường hợp vượt thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty thì phải được UBND tỉnh chấp thuận bằng văn bản.

7. Trường hợp Chủ tịch Công ty xuất cảnh khỏi Việt Nam trên 30 ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện một số quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Công ty; việc ủy quyền phải được thông báo kịp thời bằng văn bản cho UBND tỉnh. Trường hợp ủy quyền khác thực hiện theo quy định tại quy chế quản lý nội bộ của công ty.

Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Công ty

1. Chủ tịch Công ty nhân danh Công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ của UBND tỉnh.

2. Chủ tịch Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các nội dung theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

b) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể Chi nhánh, Văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

c) Quyết định kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm, chủ trương phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của công ty.

d) Tổ chức hoạt động kiểm toán nội bộ và quyết định thành lập đơn vị kiểm toán nội bộ của công ty.

đ) Chủ tịch Công ty quản lý, điều hành Công ty tuân thủ quy định của pháp luật và quyết định của UBND tỉnh.

e) Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh trong quản lý, sử dụng, bảo toàn, phát triển vốn; báo cáo kịp thời UBND tỉnh khi Công ty hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành nhiệm vụ được giao và những trường hợp sai phạm khác.

g) Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về vi phạm gây tổn thất vốn, tài sản của công ty.

h) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quy định khác của pháp luật liên quan.

Điều 20. Trách nhiệm của Chủ tịch Công ty

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty, quyết định của UBND tỉnh và quy định của pháp luật.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty và Nhà nước.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và Nhà nước; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Chịu trách nhiệm cá nhân khi thực hiện các hành vi sau đây:

a) Lợi dụng danh nghĩa Công ty thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

b) Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của công ty và gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác.

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn khi nguy cơ rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 21. Tiêu chuẩn và điều kiện Chủ tịch Công ty

1. Thường trú tại Việt Nam và phải là công dân Việt Nam.
2. Đạt tiêu chuẩn chung của Đảng, Nhà nước và tiêu chuẩn của chức danh do cấp có thẩm quyền ban hành.
3. Có trình độ Đại học trở lên, có năng lực kinh doanh và quản lý doanh nghiệp, có chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề hoạt động của Công ty. Chủ tịch Công ty phải có kinh nghiệm ít nhất 03 năm làm công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành nghề có liên quan đến ngành kinh doanh chính của Công ty.
4. Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu UBND tỉnh; Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng của công ty; Kiểm soát viên công ty.
5. Không phải là cán bộ, công chức trong cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc không phải là người quản lý, điều hành tại doanh nghiệp thành viên.
6. Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của doanh nghiệp Nhà nước.
7. Có đủ năng lực hành vi dân sự; có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật.
8. Không đang trong thời gian thi hành kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên; không đang trong thời gian xem xét kỷ luật, điều tra, truy tố, xét xử.
9. Không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
10. Được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian 03 năm liên tục gần nhất, thuộc đối tượng quy hoạch chức danh bổ nhiệm hoặc chức danh tương đương với chức danh bổ nhiệm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
11. Phải đủ tuổi để đảm nhiệm chức vụ được bổ nhiệm lần đầu ít nhất một nhiệm kỳ tính từ thời điểm bổ nhiệm.
12. Có trình độ lý luận chính trị Trung cấp trở lên.
13. Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước chương trình chuyên viên.
14. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của UBND tỉnh và pháp luật có liên quan (nếu có).

Điều 22. Miễn nhiệm, cách chức Chủ tịch Công ty

1. Chủ tịch Công ty bị miễn nhiệm trong những trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 21 của Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.
 - b) Có đơn xin từ chức và được UBND tỉnh chấp thuận bằng văn bản.
 - c) Có quyết định điều chuyển, bố trí công việc khác hoặc nghỉ hưu.

d) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao; bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

đ) Không đủ sức khỏe hoặc không còn uy tín để giữ chức vụ thành viên Chủ tịch Công ty.

e) Có hai năm liên tiếp xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ.

g) Bị xử lý kỷ luật chưa đến mức cách chức nhưng do yêu cầu nhiệm vụ công tác cần phải thay thế.

h) Bị xử lý kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo hai lần trong cùng một nhiệm kỳ bổ nhiệm.

i) Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm quy định của Đảng về bảo vệ chính trị nội bộ.

k) Các lý do miễn nhiệm khác theo quy định của Đảng và pháp luật.

2. Chủ tịch Công ty bị cách chức trong những trường hợp sau đây:

a) Công ty không hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch hằng năm, không bảo toàn và phát triển vốn đầu tư theo yêu cầu của UBND tỉnh mà không giải trình được nguyên nhân khách quan hoặc giải trình nguyên nhân không được UBND tỉnh chấp thuận.

b) Bị truy tố và bị Tòa án tuyên là có tội.

c) Không trung thực trong thực thi quyền, nghĩa vụ hoặc lạm dụng địa vị, chức vụ, sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh của công ty.

d) Sử dụng văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, xác nhận giả hoặc không hợp pháp để được bổ nhiệm chức vụ.

3. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày có quyết định miễn nhiệm, cách chức, UBND tỉnh xem xét, quyết định tuyển chọn, bổ nhiệm người khác thay thế.

4. Các quy định khác của pháp luật có liên quan và UBND tỉnh (nếu có).

Điều 23. Giám đốc Công ty

1. Giám đốc Công ty được bổ nhiệm theo quy định của UBND tỉnh.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc Công ty tối đa là 05 năm

3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc Công ty

a) Thường trú tại Việt Nam và phải là công dân Việt Nam.

b) Đạt tiêu chuẩn chung của Đảng, Nhà nước và tiêu chuẩn của chức danh do cấp có thẩm quyền quy định.

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề của Công ty.

d) Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu UBND tỉnh; Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty; Kiểm soát viên Công ty.

đ) Không đồng thời là cán bộ, công chức trong cơ quan nhà nước hoặc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

e) Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc tại Công ty hoặc ở doanh nghiệp nhà nước khác.

g) Không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác.

h) Có đủ năng lực hành vi dân sự; có đủ sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật.

i) Không đang trong thời gian thi hành kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên; không đang trong thời gian xem xét kỷ luật, điều tra, truy tố, xét xử.

k) Không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

l) Được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian 03 năm liên tục gần nhất, thuộc đối tượng quy hoạch chức danh bổ nhiệm hoặc chức danh tương đương với chức danh bổ nhiệm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

m) Phải đủ tuổi để đảm nhiệm chức vụ được bổ nhiệm lần đầu ít nhất một nhiệm kỳ tính từ thời điểm bổ nhiệm.

n) Có trình độ lý luận chính trị trung cấp trở lên.

o) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước chương trình chuyên viên.

p) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của UBND tỉnh và pháp luật có liên quan (nếu có).

Điều 24. Quyền hạn và nghĩa vụ của Giám đốc Công ty

Giám đốc Công ty có nhiệm vụ điều hành các hoạt động hằng ngày của công ty và có quyền, nghĩa vụ sau đây:

a) Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, phương án kinh doanh, kế hoạch đầu tư của công ty.

b) Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết, quyết định của Chủ tịch Công ty và UBND tỉnh.

c) Quyết định các công việc hằng ngày của Công ty.

d) Ban hành Quy chế quản lý nội bộ của Công ty đã được Chủ tịch Công ty chấp thuận.

đ) Bổ nhiệm, thuê, miễn nhiệm, cách chức, chấm dứt hợp đồng lao động đối với người quản lý công ty, trừ chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty.

e) Ký kết hợp đồng, giao dịch nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty.

g) Lập và trình Chủ tịch Công ty báo cáo định kỳ hằng quý, hằng năm về kết quả thực hiện mục tiêu kế hoạch kinh doanh; báo cáo tài chính.

h) Kiến nghị phân bổ và sử dụng lợi nhuận sau thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty.

i) Tuyển dụng lao động.

k) Kiến nghị phương án tổ chức lại công ty.

l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 25. Miễn nhiệm, cách chức đối với Giám đốc Công ty

1. Giám đốc bị miễn nhiệm trong trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 101 của Luật Doanh nghiệp và Điều 23 Điều lệ này.
 - b) Có đơn xin nghỉ việc.
2. Giám đốc bị xem xét cách chức trong trường hợp sau đây:
 - a) Công ty không bảo toàn được vốn theo quy định của pháp luật.
 - b) Công ty không hoàn thành các mục tiêu kế hoạch kinh doanh hằng năm.
 - c) Công ty vi phạm pháp luật.
 - d) Không có đủ trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh mới của Công ty.
 - đ) Vi phạm một trong số các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người quản lý quy định tại Điều 97 và Điều 100 của Luật Doanh nghiệp.
 - e) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có quyết định miễn nhiệm, cách chức, Chủ tịch công ty xem xét, quyết định tuyển chọn, bổ nhiệm người khác thay thế.

Điều 26. Quan hệ giữa Chủ tịch Công ty và Giám đốc Công ty trong quản lý, điều hành Công ty

1. Khi tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Chủ tịch Công ty nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Giám đốc báo cáo với Chủ tịch Công ty để xem xét điều chỉnh lại Nghị quyết, Quyết định. Trường hợp Chủ tịch Công ty không điều chỉnh lại Nghị quyết, Quyết định thì Giám đốc có thể báo cáo UBND tỉnh, nhưng vẫn phải thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Chủ tịch Công ty.

2. Giám đốc lập và gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh hằng tháng, quý, năm và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty cho Chủ tịch Công ty; có trách nhiệm báo cáo đột xuất về các vấn đề quản trị, tổ chức quản lý và điều hành của Công ty theo yêu cầu của Chủ tịch công ty.

3. Giám đốc phải mời Chủ tịch Công ty hoặc người được Chủ tịch Công ty ủy quyền tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các báo cáo, đề án trình Chủ tịch Công ty hoặc trình UBND tỉnh do Giám đốc chủ trì để phối hợp chuẩn bị nội dung có liên quan. Chủ tịch Công ty hoặc người được ủy quyền tham dự có quyền phát biểu ý kiến nhưng không kết luận cuộc họp.

Điều 27. Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Ban kiểm soát có từ 01 đến 03 Kiểm soát viên, trong đó có Trưởng Ban Kiểm soát. Trường hợp Ban Kiểm soát chỉ có 01 Kiểm soát viên thì Kiểm soát viên đó đồng thời là Trưởng Ban Kiểm soát và phải đáp ứng tiêu chuẩn của Trưởng Ban Kiểm soát.

2. Kiểm soát viên do UBND tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm. Kiểm soát viên có nhiệm kỳ không quá năm (05) năm và được UBND tỉnh xem xét bổ nhiệm lại nếu hoàn thành nhiệm vụ và đáp ứng được các tiêu chuẩn, điều kiện của Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên nhưng không quá 02 nhiệm kỳ liên tục tại Công ty.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện, chế độ làm việc, quyền, trách nhiệm của Kiểm soát viên thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp Nhà nước và quy định khác của pháp luật liên quan.

4. Trưởng Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện như sau:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc; Trưởng Ban kiểm soát phải có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc.

b) Không được là người quản lý Công ty và người quản lý tại doanh nghiệp khác; không được là Kiểm soát viên của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp nhà nước; không phải là người lao động của Công ty.

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu của công ty Giám đốc; Phó Giám đốc, Kế toán trưởng; Kiểm soát viên khác của Công ty.

d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

5. Quyền của Ban kiểm soát

a) Tham gia các cuộc họp, các cuộc tham vấn, trao đổi chính thức và không chính thức của UBND tỉnh với Chủ tịch Công ty; chất vấn Chủ tịch Công ty, Giám đốc về kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và các quyết định khác trong quản lý, điều hành công ty.

b) Xem xét sổ sách kế toán, báo cáo, hợp đồng, giao dịch và tài liệu khác của công ty; kiểm tra công việc quản lý, điều hành của Chủ tịch công ty, Giám đốc khi xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của UBND tỉnh.

c) Yêu cầu Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác báo cáo, cung cấp thông tin trong phạm vi quản lý và hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty.

d) Yêu cầu người quản lý Công ty báo cáo về thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của đơn vị trực thuộc khi xét thấy cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

đ) Đề nghị UBND tỉnh thành lập đơn vị thực hiện nhiệm vụ kiểm toán để tham mưu và trực tiếp hỗ trợ Ban kiểm soát thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

6. Nghĩa vụ của Ban kiểm soát

a) Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh của Công ty.

b) Giám sát, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của công ty.

c) Giám sát và đánh giá việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty.

d) Giám sát, đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế kiểm toán nội bộ, quy chế quản lý và phòng ngừa rủi ro, quy chế báo cáo, quy chế quản trị nội bộ khác của công ty.

đ) Giám sát tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ sách kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan.

e) Giám sát hợp đồng, giao dịch của Công ty với các bên có liên quan.

g) Giám sát thực hiện các dự án đầu tư lớn có giá trị lớn hơn 30% vốn chủ sở hữu hoặc lớn hơn mức vốn của dự án nhóm B theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công, hợp đồng, giao dịch mua, bán, giao dịch kinh doanh có giá trị lớn hơn 10% vốn chủ sở hữu hoặc theo yêu cầu của UBND tỉnh; giao dịch kinh doanh bất thường của công ty.

h) Lập và gửi báo cáo đánh giá, kiến nghị về nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản này cho UBND tỉnh và Chủ tịch Công ty; Xây dựng Kế hoạch công tác hằng năm, trình UBND tỉnh phê duyệt, ban hành trong quý I; thực hiện theo Kế hoạch công tác năm được phê duyệt. Đối với những trường hợp cần phải kiểm tra, giám sát đột xuất nhằm phát hiện sớm những sai sót của doanh nghiệp, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên chủ động thực hiện, đồng thời báo cáo UBND tỉnh.

i) Thực hiện nghĩa vụ khác theo yêu cầu của UBND tỉnh và theo quy định pháp luật.

7. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng, điều kiện làm việc, định mức chi phí công tác và các chi phí hoạt động khác của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên do UBND tỉnh quyết định, tối thiểu bằng Phó Giám đốc Công ty; được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty và được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

8. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của UBND tỉnh và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên.

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, Công ty và lợi ích hợp pháp của các bên tại công ty.

c) Trung thành với lợi ích của Nhà nước và Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d) Trường hợp vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này mà gây thiệt hại cho công ty thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và thiệt hại còn có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; hoàn trả lại cho công ty mọi thu nhập và lợi ích có được do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này.

e) Báo cáo kịp thời UBND tỉnh và cá nhân có liên quan, đồng thời yêu cầu cá nhân đó chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả trong trường hợp sau đây:

- Phát hiện Chủ tịch Công ty, Giám đốc và người quản lý khác làm trái quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của họ hoặc có nguy cơ làm trái quy định đó.

- Phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, trái quy định Điều lệ Công ty hoặc quy chế quản trị nội bộ Công ty.

g) Trách nhiệm khác theo quy định của Pháp luật.

9. Miễn nhiệm, cách chức Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên.

a) Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong trường hợp sau đây:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ này và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Có đơn xin từ chức và được UBND tỉnh chấp thuận.

- Được UBND tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền khác điều động, phân công thực hiện nhiệm vụ khác.

- Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

b) Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên bị cách chức trong trường hợp sau đây:

- Không thực hiện nghĩa vụ, nhiệm vụ, công việc được phân công trong 03 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

- Không hoàn thành nghĩa vụ, nhiệm vụ, công việc được phân công trong 01 năm.

- Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ này.

- Trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 28. Hợp đồng, giao dịch với những người liên quan

1. Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty, Ban kiểm soát

a) Không được bổ nhiệm người có quan hệ gia đình của mình giữ chức danh Kế toán trưởng, Thủ quỹ của Công ty.

b) Báo cáo UBND tỉnh về các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty ký kết với người có quan hệ gia đình của Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty, Ban Kiểm soát. Trường hợp, phát hiện hợp đồng có mục đích tư lợi mà hợp đồng chưa được ký kết thì có quyền yêu cầu Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty không được ký kết hợp đồng đó. Nếu hợp đồng đã được ký kết thì bị coi là vô hiệu, Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Công ty và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Các trường hợp khác thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quyết định của UBND tỉnh (nếu có).

Điều 29. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và Bộ máy giúp việc

1. Số lượng Phó Giám đốc không quá 03 người; có nhiệm vụ giúp Giám đốc Công ty điều hành theo phân công, ủy quyền của Giám đốc Công ty; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công ủy quyền.

Chủ tịch Công ty quyết định cơ cấu, số lượng Phó Giám đốc Công ty theo quy mô và đặc điểm sản xuất, kinh doanh của Công ty trong quá trình hoạt động.

2. Phó Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều 23 Điều lệ này, quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về

Doanh nghiệp nhà nước và các tiêu chuẩn khác theo ngành, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty.

3. Kế toán trưởng có nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ theo phân công và ủy quyền của Giám đốc và phù hợp với quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

4. Thời hạn bổ nhiệm đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng không quá 05 năm. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng có thể được bổ nhiệm lại.

5. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức Phó Giám đốc, Kế toán trưởng thực hiện theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp Nhà nước, quy định của UBND tỉnh và pháp luật khác có liên quan.

6. Bộ máy giúp việc gồm các phòng chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, kiểm tra, giúp việc cho Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty quản lý, điều hành Công ty, thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ sở hữu Công ty đối với doanh nghiệp. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc do Giám đốc Công ty phân công sau khi trao đổi thống nhất trong Ban Giám đốc và được Chủ tịch Công ty chấp thuận bằng văn bản.

Điều 30. Đơn vị trực thuộc

1. Đơn vị trực thuộc Công ty là đơn vị không có vốn và tài sản riêng. Toàn bộ vốn, tài sản của đơn vị trực thuộc được hạch toán kế toán tập trung tại Công ty và thuộc sở hữu Công ty. Đơn vị trực thuộc thực hiện các hoạt động tài chính, tổ chức và nhân sự theo phân cấp của Công ty quy định trong Điều lệ hoặc Quy chế hoạt động của đơn vị trực thuộc do Giám đốc Công ty xây dựng, trình Chủ tịch Công ty phê duyệt. Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các đơn vị trực thuộc theo cam kết.

2. Văn phòng đại diện, Chi nhánh và các địa điểm kinh doanh hoạt động theo quy chế do Chủ tịch Công ty chấp thuận và Giám đốc Công ty ký ban hành phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan. Trong quá trình hoạt động, Chủ tịch Công ty quyết định thành lập mới hoặc chấm dứt hoạt động các Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Chủ tịch Công ty có thể thành lập Ban kiểm tra, giám sát trong nội bộ Công ty để giúp Chủ tịch Công ty kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý điều hành trong Công ty. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tiêu chuẩn, điều kiện, tiền lương, tiền thưởng, các vấn đề khác có liên quan của Ban kiểm tra, giám sát nội bộ theo quy định tại Quy chế hoạt động do Chủ tịch Công ty ban hành.

Điều 31. Hình thức tham gia quản lý Công ty của người lao động

Người lao động tham gia quản lý Công ty thông qua các hình thức và tổ chức sau đây:

1. Hội nghị người lao động Công ty.
2. Tổ chức Công đoàn Công ty.
3. Ban Thanh tra nhân dân Công ty.
4. Thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Nội dung tham gia quản lý Công ty của người lao động

1. Người lao động có quyền tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến và đề xuất với cấp có thẩm quyền các vấn đề sau:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện các nội quy, quy chế nội bộ Công ty liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động.

b) Nội dung của dự thảo hoặc dự thảo sửa đổi, bổ sung thỏa ước lao động tập thể trước khi ký kết.

c) Các giải pháp nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, tiết kiệm nguyên vật liệu, an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện làm việc, sắp xếp bố trí lao động.

d) Phương án tổ chức lại, chuyển đổi Công ty.

đ) Tham gia bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh quản lý, điều hành Công ty khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật.

e) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tập thể người lao động trong Công ty có quyền tham gia giám sát

a) Việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị người lao động.

b) Việc thực hiện các nội quy, quy định, quy chế, Điều lệ của Công ty; thực hiện thỏa ước lao động tập thể; thực hiện hợp đồng lao động; thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động.

c) Việc thu và sử dụng các loại quỹ do người lao động đóng góp.

d) Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp lao động; kết quả thi đua, khen thưởng hằng năm.

3. Hằng năm, Công ty có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn tổ chức Hội nghị người lao động để bàn giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh mà Chủ tịch Công ty đã thông qua; đánh giá việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể, các nội quy, quy chế của Công ty và những vấn đề khác liên quan tới quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

4. Quan hệ giữa Công ty và người lao động thực hiện theo các quy định của pháp luật về lao động. Giám đốc Công ty lập kế hoạch báo cáo Chủ tịch Công ty thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phúc lợi, khen thưởng, kỷ luật đối với người quản lý và người lao động trong Công ty cũng như mối quan hệ giữa Công ty với tổ chức Công đoàn.

Chương V QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 33. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ quy định tại Điều 5 của Điều lệ này có thể tăng trong quá trình hoạt động. UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh tăng vốn điều lệ cho Công ty căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược phát triển và mở rộng quy mô, hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Mức vốn điều lệ điều chỉnh tăng được xác định tối thiểu cho 3 năm, kể từ năm quyết định điều chỉnh tăng vốn điều lệ.

2. Phương thức xác định lại mức vốn điều lệ và xác định mức vốn điều lệ tăng; trình tự, thủ tục lập, phê duyệt hồ sơ đề nghị đầu tư bổ sung vốn điều lệ; thực hiện cấp bổ sung vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP, Thông tư số 36/2021/TT-BTC và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

3. Việc tăng, giảm vốn điều lệ thực hiện theo quy định của pháp luật. Khi có quyết định thay đổi vốn điều lệ, Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Quản lý tài chính Công ty

Quản lý tài chính của Công ty thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính Công ty do UBND tỉnh ban hành phù hợp với quy định của Luật số 69/2014/QH13 và Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và các quy định của pháp luật liên quan, bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Quản lý và sử dụng vốn, tài sản của Công ty.
2. Quản lý doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh, trong đó có quy định về phân phối thu nhập, sử dụng các quỹ.
3. Kế hoạch tài chính, chế độ kế toán, thống kê và kiểm toán.
4. Những nội dung khác có liên quan.

Chương VI

TỔ CHỨC LẠI, CHUYỂN ĐỔI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 35. Tổ chức lại Công ty

Các hình thức, điều kiện, thẩm quyền quyết định, hồ sơ, trình tự, thủ tục tổ chức lại Công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 36. Chuyển đổi Chủ sở hữu Công ty

UBND tỉnh quyết định chuyển đổi Chủ sở hữu Công ty theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 37. Tạm ngừng kinh doanh

1. UBND tỉnh quyết định việc tạm ngừng kinh doanh của Công ty theo đề nghị của Chủ tịch Công ty.

2. Công ty tổ chức thực hiện tạm ngừng kinh doanh theo quyết định của UBND tỉnh phù hợp với Điều 206 của Luật Doanh nghiệp, Điều 21 của Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 38. Giải thể Công ty

Việc giải thể Công ty thực hiện theo quy định từ Điều 207 đến Điều 211 của Luật Doanh nghiệp; từ Điều 39 đến Điều 45 của Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022 của Chính phủ.

Điều 39. Phá sản Công ty

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Phá sản.

Chương VII

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG KHAI THÔNG TIN

Điều 40. Trách nhiệm báo cáo và thông tin

1. Theo định kỳ hằng quý, Giám đốc có trách nhiệm gửi Chủ tịch Công ty những báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo tình hình kinh doanh của Công ty.
- b) Báo cáo tài chính.
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty và các báo cáo khác theo quy định.

2. Chủ tịch Công ty có quyền yêu cầu Giám đốc, các cán bộ quản lý của Công ty cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch Công ty.

3. Giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Công ty.

Điều 41. Báo cáo và thông tin cho UBND tỉnh, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan theo quy định của pháp luật

- 1. Chủ tịch Công ty lập và gửi những báo cáo sau đây:
 - a) Báo cáo về tình hình kinh doanh và tài chính của Công ty.
 - b) Báo cáo về tình hình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch Công ty về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền hoặc ghi tại quyết định bổ nhiệm (nếu có).

c) Các báo cáo khác theo quy định của Điều lệ Công ty và của pháp luật về chế độ thông tin, báo cáo của doanh nghiệp nhà nước.

2. Kiểm soát viên báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài chính:

a) Báo cáo kết quả kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty trong tổ chức thực hiện quyền Chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của Công ty.

b) Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh; báo cáo thẩm định lương kế hoạch và thực hiện hằng năm.

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý và các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật về chế độ báo cáo, thông tin của doanh nghiệp nhà nước.

3. Các báo cáo định kỳ được lập hằng quý. Báo cáo đột xuất được lập và gửi theo yêu cầu của UBND tỉnh.

4. Các nội dung khác theo quy định có liên quan.

Điều 42. Công bố thông tin định kỳ

1. Công ty phải công bố định kỳ trên trang thông tin điện tử của Công ty và của cơ quan đại diện chủ sở hữu những thông tin sau đây:

- a) Thông tin cơ bản về Công ty và Điều lệ Công ty.

b) Mục tiêu tổng quát; mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch kinh doanh hằng năm đã được cơ quan chủ sở hữu phê duyệt; thời hạn công bố trước ngày 31/3 của năm thực hiện.

c) Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập trong thời hạn 150 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

d) Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính giữa năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập; thời hạn công bố phải **trước ngày 31 tháng 7 hằng năm**.

đ) Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm.

e) Báo cáo về thực trạng quản trị, cơ cấu tổ chức Công ty.

2. Báo cáo thực trạng quản trị Công ty bao gồm các thông tin sau đây:

a) Thông tin về UBND tỉnh, người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu UBND tỉnh.

b) Thông tin về người quản lý Công ty, bao gồm trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp, các vị trí quản lý đã nắm giữ, cách thức được bổ nhiệm, công việc quản lý được giao; mức và cách thức chi trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác; người có liên quan và lợi ích có liên quan của người quản lý công ty.

c) Quyết định có liên quan của UBND tỉnh; các nghị quyết, quyết định của Chủ tịch Công ty.

d) Thông tin về Ban kiểm soát, Kiểm soát viên và hoạt động của Kiểm soát viên.

đ) Báo cáo kết luận của cơ quan thanh tra (nếu có) và báo cáo của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên.

e) Thông tin về người có liên quan của Công ty, hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan.

g) Thông tin khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

3. Thông tin được công bố phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật.

4. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, trung thực và chính xác của thông tin được công bố.

5. Các nội dung khác theo quy định tại Nghị định 47/2021/NĐ-CP, quy chế công bố thông tin của Công ty và văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 43. Công bố thông tin bất thường

1. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở chính và địa điểm kinh doanh của Công ty về các thông tin bất thường trong thời hạn 36 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của Công ty tại Ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa.

b) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập hoặc giấy phép thành lập

và hoạt động hoặc giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến kinh doanh của Công ty.

c) Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc bất kỳ giấy phép, giấy chứng nhận khác có liên quan đến hoạt động của Công ty.

d) Thay đổi người quản lý Công ty, Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng.

đ) Có quyết định kỷ luật, khởi tố, có bản án, quyết định của Tòa án đối với một trong số các Người quản lý Công ty.

e) Có kết luận của cơ quan thanh tra hoặc của cơ quan quản lý thuế về việc vi phạm pháp luật của Công ty.

g) Có quyết định thay đổi tổ chức kiểm toán độc lập, hoặc bị từ chối kiểm toán báo cáo tài chính.

h) Có quyết định, thành lập, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công ty con; quyết định đầu tư, giảm vốn hoặc thoái vốn đầu tư tại các Công ty khác.

2. Các nội dung khác theo quy định tại Nghị định 47/2021/NĐ-CP, quy chế công bố thông tin của Công ty và văn bản pháp luật có liên quan.

Chương VIII

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC

Điều 44. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Chủ tịch Công ty kiến nghị UBND tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty phù hợp với tình hình quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh.

Điều 45. Quản lý, sử dụng con dấu của Công ty

1. Chủ tịch Công ty quyết định thông qua mẫu con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch Công ty, Giám đốc quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.

Điều 46. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ

Việc giải quyết tranh chấp nội bộ trong Công ty trước hết phải được thực hiện theo phương thức thương lượng, hòa giải. Trường hợp, không đạt được thỏa thuận giữa các bên thì bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa tranh chấp ra các cơ quan chức năng để giải quyết theo thẩm quyền.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 47. Phạm vi thi hành

1. UBND tỉnh, Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Kiểm soát viên, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, các đơn vị trực thuộc, người lao động của Công ty TNHH một thành viên Xô số kiến thiết Quảng Nam chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ này.

2. Các Quy chế nội bộ của Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Quảng Nam phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Điều lệ.

3. Trong trường hợp, có quy định của pháp luật liên quan đến tổ chức và hoạt động của Công ty chưa được quy định hoặc quy định khác tại Điều lệ này thì Công ty được tạm thời áp dụng những quy định đó và có trách nhiệm tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh, sửa đổi Điều lệ đảm bảo quy định./.